

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn của Công ty cổ phần Xây dựng Minh Thuận**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Công văn số 4429/UBND-CN ngày 01/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chủ trương cho Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận lập hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT.514B, xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Văn bản số 4870/STNMT-BVMT ngày 04/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1345/Tr-STNMT ngày 06/8/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi

trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận thực hiện tại xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thọ Sơn (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày       /       /2024 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xây dựng Minh Thuận.
- + Người đại diện (Ông): Nguyễn Đức Thuận - Chức vụ: Giám đốc;
- + Địa chỉ trụ sở: SN 20 Nơ 4 khu Đông Bắc Ga, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích thực hiện Dự án là 21.334m<sup>2</sup>. Ranh giới thực hiện dự án như sau:

| BẢNG TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC                                                              |                   |        |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|
| STT                                                                                   | Hệ toạ độ VN 2000 |        |
|                                                                                       | X (m)             | Y (m)  |
| Khu 1: Thuộc thôn 7 tại Km2+116,66 đến Km2+378,23;<br>Diện tích: 13.033m <sup>2</sup> |                   |        |
| GP2P-09                                                                               | 2194649           | 549567 |
| 1                                                                                     | 2194660           | 549577 |
| GP2T-04                                                                               | 2194647           | 549593 |
| GP2T-05                                                                               | 2194581           | 549677 |
| GP2T-06                                                                               | 2194569           | 549700 |
| GP2T-07                                                                               | 2194503           | 549764 |
| 2                                                                                     | 2194494           | 549778 |
| 3                                                                                     | 2194472           | 549770 |
| GP2P-16                                                                               | 2194488           | 549731 |
| GP2P-15                                                                               | 2194500           | 549691 |
| GP2P-14                                                                               | 2194495           | 549668 |
| GP2P-13                                                                               | 2194513           | 549640 |
| GP2P-12                                                                               | 2194542           | 549614 |
| GP2P-11                                                                               | 2194589           | 549602 |

|                                                                                                |         |        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|
| GP2P-10                                                                                        | 2194607 | 549592 |
| Khu 2: Thuộc thôn 7 và thôn 3 tại Km2+535,86 đến Km2+759,09;<br>Diện tích: 8.301m <sup>2</sup> |         |        |
| GP2P-20                                                                                        | 2194408 | 549915 |
| 4                                                                                              | 2194425 | 549920 |
| GP2T-11                                                                                        | 2194420 | 549986 |
| GP2T-12                                                                                        | 2194420 | 550012 |
| GP2T-13                                                                                        | 2194386 | 550059 |
| 5                                                                                              | 2194353 | 550131 |
| 6                                                                                              | 2194335 | 550125 |
| GP2P-24                                                                                        | 2194357 | 550048 |
| GP2P-23                                                                                        | 2194364 | 550006 |
| GP2P-22                                                                                        | 2194364 | 549971 |
| GP2P-21                                                                                        | 2194378 | 549949 |

- Công suất dự kiến: 178.989,0 m<sup>3</sup>/năm (12 tháng) (*cụ thể tại Giấy phép khai thác khoáng sản*).

- Thời gian khai thác dự kiến: 12 tháng (*cụ thể tại Giấy phép khai thác khoáng sản*).

### **1.3. Công nghệ sản xuất (công nghệ khai thác)**

- Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khẩu theo lớp bằng từ trên xuống dưới, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực thi công công trình tại chỗ hoặc các công trình khác ngoài phạm vi dự án.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc lớp đất phủ → Bóc xúc → Vận chuyển → Công trình.

### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

#### **1.4.1. Các hạng mục công trình chính**

- Thi công tạo diện công tác ban đầu: diện tích 190m<sup>2</sup>;
- Tuyến đường ngoại mỏ: 8.000m<sup>2</sup>;
- Trạm cân: 50 tấn;
- Hệ thống đường điện về khu vực mỏ: 200m;
- Xây dựng công trình phục vụ khai thác:
  - + Nhà vệ sinh di động: 02 nhà;
  - + Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại: 5m<sup>2</sup>;
  - + Rãnh thoát nước có kích thước chiều dài 485m, chiều rộng 1,2m, sâu 0,8m;

#### **1.4.2. Các hoạt động của Dự án**

- Hoạt động khai thác đất là vật liệu san lấp gồm: Bóc lớp đất hữu cơ, xúc bốc, vận chuyển đất thành phẩm đến khu vực thi công công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, vận chuyển;
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động khai thác đất, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình bốc xúc, vận chuyển đất phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.
- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.
- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### *3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng  $0,25\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS),  $\text{BOD}_5$ , COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), dầu mỡ, coliforms,...
- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn ngày mưa lớn nhất khoảng  $5.184\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu là TSS.
- Nước thải từ rửa lốp bánh xe khoảng  $1,0\text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu là TSS, văng dầu mỡ.

#### *3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải*

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, trút đổ đất lên xe ô tô, từ hoạt động vận chuyển đất trong khu vực mỏ, từ hoạt động vận chuyển đất thành phẩm đi tiêu thụ và đắp tuyến đường từ UBND xã Thọ Sơn đến ĐT 514B xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn. Thành phần chủ yếu là bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ , CO,...

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### *3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng  $2,0\text{ kg}/\text{ngày}$ . Thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...
- Đất thải từ quá trình khai thác khoảng  $38,04\text{ m}^3/\text{năm}$ ;
- Sinh khối phát quang: 1 tấn/ha tương đương 2,1 tấn trên toàn bộ dự án.

#### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải nguy hại (CTNH)*

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 4kg/tháng phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu chủ yếu dầu máy rơi vãi trong quá trình sửa chữa nhỏ tại dự án.

### **3.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động bốc xúc đất từ khu vực khai thác lên các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động di chuyển, vận chuyển của các thiết bị, phương tiện.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

### **3.6. Các rủi ro, sự cố môi trường**

Rủi ro, sự cố sạt lở bờ moong khai thác, thiên tai dịch bệnh, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ trong quá trình khai thác; sự cố ngộ độc thực phẩm, mất an ninh trật tự địa phương. Các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra với tần suất thấp, mức độ tác động không lớn.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải**

#### **4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải**

- Nước thải nhà vệ sinh: Lắp đặt và sử dụng 02 nhà vệ sinh di động kích thước phủ bì:  $(C \times R \times S) \text{ cm} = (260 \times 90 \times 135) \text{ cm}$ ; Kích thước lọt lòng mỗi buồng:  $(C \times R \times S) \text{ cm} = (200 \times 85 \times 100) \text{ cm}$ ; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 03 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước trên các tầng khai thác, sân công nghiệp → Rãnh thoát nước (kích thước dài 485m; rộng 1,2m; sâu 0,8m) → Hệ thống rãnh thoát nước của khu vực.

#### **4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải**

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Bố trí khu vực rửa xe vận chuyển ra vào dự án tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp, các xe vận chuyển được rửa lốp bánh xe trước khi ra khỏi Dự án.
- Các phương tiện vận chuyển được che phủ bạt; vận chuyển theo đúng tải trọng cho phép.
- Không vận chuyển đất vào khung giờ cao điểm.

#### **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

##### **4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại vào 02 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực khai thác. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất bóc hữu cơ, sẽ được chủ đầu tư tận dụng san gạt đường vận chuyển.
- Đối với cây cỏ, cây bụi... được thu gom, phơi khô cho nhân dân địa phương tận dụng làm chất đốt hoặc phục vụ công tác nấu ăn trong giai đoạn sau.

##### **4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH**

- Trang bị ít nhất 02 thùng phuy riêng với dung tích 200 lít/thùng dán nhãn để lưu trữ chất thải nguy hại dạng rắn. Lưu trữ tại kho chứa CTNH diện tích 5m<sup>2</sup>; Kích thước: 2,5m × 2,0 × 1,0m. Kho được thiết kế kiểu kho kín, gần biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

#### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

- Trong quá trình khai thác phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: mũ, kính, giày, khẩu trang, quần áo bảo hộ, dây an toàn... Treo các nội quy về an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc ở các nơi tập trung công nhân, khu vực đông người.
- Yêu cầu công nhân phải mang đầy đủ bảo hộ lao động mới được tham gia khai thác.
- Tắt máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để hạn chế cộng hưởng mức ồn ở mức thấp nhất.

- Các phương tiện vận chuyển phải kiểm tra thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy móc theo đúng định kỳ quy định.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

##### **4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

###### **4.4.1.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (được lựa chọn)**

- Khu vực khai thác: Xây dựng biển báo nguy hiểm, bạt mái taluy, san gạt mặt bằng.
- Khu vực khai trường: Tháo dỡ cột điện, đường dây điện, nhà vệ sinh di động..., di dời máy móc thiết bị, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét mương thoát nước.

*4.4.1.2. Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường*

| TT         | NỘI DUNG CÔNG VIỆC                                        | ĐƠN VỊ             | KHỐI LƯỢNG |
|------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|------------|
| <b>I</b>   | <b>Khu vực khai thác</b>                                  |                    |            |
| 1          | Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m | cái                | 10         |
| 2          | Chi phí xây dựng cột biển báo                             | cái                | 10         |
| 3          | Bạt mái bờ taluy đai bảo vệ                               | m <sup>3</sup>     | 281,32     |
| 4          | San gạt mặt bằng moong khai thác                          | 100 m <sup>3</sup> | 62,19      |
| <b>II</b>  | <b>Khu vực xây dựng các công trình</b>                    |                    |            |
| 1          | Phá dỡ nền móng xi măng không cốt thép                    | m <sup>3</sup>     | 0,15       |
| 2          | Tháo dỡ mái tôn                                           | m <sup>2</sup>     | 38,2       |
| 3          | Vận chuyển đổ thải                                        | m <sup>3</sup>     | 0,15       |
| 4          | Tháo dỡ cột điện                                          | cái                | 6,0        |
| 5          | Tháo dỡ dây cáp điện                                      | công               | 1,0        |
| 6          | Di chuyển máy móc thiết bị                                | chuyển             | 2,0        |
| 7          | Di chuyển nhà vệ sinh di động                             | cái                | 2,0        |
| <b>III</b> | <b>Chi phí khác</b>                                       |                    |            |
| 1          | Chi phí duy tu, bảo trì công trình                        |                    | 01 lần     |

*4.4.1.3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường*

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường theo tính toán là 74.965.294 đồng (*Bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*).

- Số lần ký quỹ: 01 (một) lần với số tiền ký quỹ là 74.965.294 đồng (*Bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*).

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được tổ chức, cá nhân tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

*4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước.



- Kiểm tra định kỳ công tác PCCC và yêu cầu cán bộ công nhân viên tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án**

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

### **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện cấm mốc, khoanh định ranh giới khu vực thực hiện dự án, chỉ được triển khai thực hiện các hoạt động của dự án sau khi được bàn giao mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và

thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh đối với các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sụt lở, sụt lún, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán về nội dung đánh giá tác động môi trường và kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường căn cứ vào các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt./.